

Bản án số: 33/2017/DS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2017

V/v tranh chấp hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tùng.

2. Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2017/TLST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2017/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Tạ Văn Nh (6 Nh), sinh năm 1955 (có mặt).

2.2 Bà Huỳnh Bạch T (Huỳnh Thị U), sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2017, cùng các văn bản kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà Nguyễn Thị Nh làm chủ dây hui mệnh giá là 500.000 đồng mở vào ngày 30/11/2012 âm lịch, dây hui gồm 53 phần. Vợ chồng ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T có tham gia 02 phần tên trong danh sách thứ tự số 21 và 22 tên là 6 Nh. Quy định mỗi tháng mở hui 02 lần. Ông Nh và bà T đóng hui được 01 kỳ thì ông Nh và bà T bỏ hui giá 155.000 đồng (ngày 15/12/2012), còn lại 01 phần đóng được 05 lần tiếp theo, ngày 15/02/2013 âm lịch, ông Nh và bà T hốt tiếp bỏ giá 150.000 đồng. Bà đã giao đủ tiền cho ông

Nh và bà T. Ông Nh và bà T đóng hui chết được một thời gian thì không đóng hui nữa. Bà có lại yêu cầu ông Nh và bà T trả tiền thì ông Nh và bà T cứ hứa sẽ bán ghe để trả nhưng khi bán ghe xong vẫn không trả. Sau đó bà và vợ chồng ông Nh có kết nợ lại thì ông Nh và bà T còn nợ lại bà với số tiền là 31.350.000 đồng. Ông Nh không có điều kiện trả, ông Nh yêu cầu ra tiếp cho ông Nh 01 phần hui giá 150.000 đồng với số tiền là 21.350.000 đồng như vậy còn nợ lại bà 10.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2015 âm lịch bà yêu cầu ông Nh và bà T trả nợ thì ông Nh nói với bà tiếp tục ra cho ông 01 phần hui 300.000 đồng với giá 100.000 đồng cho đủ số tiền, hàng tháng ông Nh và bà T đóng cho bà 800.000 đồng. Ông Nh và bà T cứ cố tình kéo dài mà không đóng hui. Việc ghi tiền bán tôm của ông Nh và bà T, số tiền tôm bà đã thanh toán cho ông Nh và bà T xong, trong giấy ghi các con số có nợ là ông Nh và bà T nợ bà, còn chữ dư thì sau khi đối trừ bà còn nợ lại ông Nh và bà T. Nhưng tổng kết trừ vào tiền hui thì ông Nh và bà T còn nợ lại bà là 31.109.000 đồng. Đến ngày 26/02/2017 ông Nh có làm biên nhận nợ cho bà. Nay bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T trả lại cho bà với tổng số tiền nợ hui là 31.109.000 đồng (ba mươi một triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2017 và tại phiên tòa ông Tạ Văn Nh trình bày:

Ông Tạ Văn Nh thừa nhận, ông thống nhất phần trình bày của bà Nh. Về thời gian bà Nh mở hui và việc ông có tham gia hui đúng như bà Nh trình bày. Bà Nh có mở dây hui ngày 30/11/2012 âm lịch, dây hui mệnh giá 500.000 đồng, ông có tham gia 02 phần, dây hui gồm 53 phần, hui khui mỗi tháng 02 lần. Đến ngày 15/12/2012 ông bỏ hui hốt (lần thứ 2), ông bỏ giá 155.000 đồng, bà Nh giao đủ tiền đúng thời gian quy định. Phần hui thứ 02 ông bỏ hui hốt với giá 150.000 đồng vào ngày 15/02/2013 âm lịch đối với phần hui này bà Nh cũng giao tiền đầy đủ. Đối với dây hui này ông cùng với vợ ông là bà Huỳnh Bạch T đã đóng hui cho bà Nh được tổng cộng là 35 lần, còn lại 18 lần. Từ thời điểm còn 18 lần ông bán tôm trừ tiền cho bà Nh. Còn việc bà Nh có ra hui trừ lại tiền hui thì ông không biết. Sau khi bán tôm trừ tiền nợ hui ông còn nợ lại bà Nh số tiền 4.000.000 đồng. Những lần ông đóng tiền hui bà Nh không có ghi hoặc ký nhận tiền. Khi ông bán tôm ông không có nhận tiền mặt mà trừ hết nợ cho bà Nh. Ông không còn bán tôm cho bà Nh từ tháng 02/2017 cho đến nay. Ngoài dây hui trên thì ông không có tham gia dây hui nào khác do bà Nh làm chủ. Từ trước đến nay việc bán tôm không có viết biên nhận nợ. Ông thừa nhận có ký biên nhận nợ lập ngày 26/02/2017 là do ông tự ký, ông cho rằng trước khi ông ký vào biên nhận nợ ông không có xem nội dung biên nhận nợ, mà bà Nh chỉ nói “ai sao anh vậy”. Sau khi trừ các khoản tiền tôm ông còn nợ lại bà Nh là 4.000.000 đồng. Ông thống nhất trả cho bà Nh số tiền còn nợ lại là 4.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 31.109.000 đồng theo bà Nh yêu cầu.

Tại biên bản hòa giải 23/6/2017 và tại phiên tòa bà Huỳnh Bạch T trình bày: Bà thống nhất phần trình bày của chồng bà là ông Tạ Văn Nh, bà không có ý kiến gì bổ sung thêm. Bà T cho rằng bà và ông Nh đều có đóng hui trực tiếp cho bà Nh, từ khi không đóng hui, ông Nh là người bán tôm trừ tiền hui. Bà và ông Nh chung sống như vợ chồng thu nhập chính gia đình là nuôi tôm. Nay bà không thống nhất trả số tiền 31.109.000 đồng theo bà Nh yêu cầu mà chỉ chấp nhận trả số tiền sau khi trừ lại là 4.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, việc thụ lý cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần xét hỏi, phần tranh luận diễn ra đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của

bà Nguyễn Thị Nh, buộc ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T trả cho bà Nh số tiền 31.109.000 đồng (ba mươi một triệu một triệu lẻ chín nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Nh với ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T được xác định là tranh chấp hội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án là có căn cứ.

[2] Trong việc tranh chấp trên, bà Nguyễn Thị Nh làm chủ hội. Quá trình làm chủ hội, ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T có tham gia hội, cụ thể như sau: Dây hội mệnh giá 500.000 đồng mở vào ngày 30/11/2012 âm lịch, dây hội gồm 53 phần. Vợ chồng ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T có tham gia 02 phần tên trong danh sách thứ tự số 21 và 22 tên là 6 Nh. Hiện các dây hội đã kết thúc, bà Nh yêu cầu ông Nh và bà T trả cho bà số tiền còn nợ lại là 31.109.000 đồng. Ông Nh và bà Thuyết thừa nhận có tham gia hội do bà Nh làm chủ và đều hốt tất cả. Ông cùng với vợ ông là bà Huỳnh Bạch T đã đóng hội cho bà Nh được tổng cộng là 35 lần, còn lại 18 lần. Từ thời điểm còn 18 lần ông bán tôm trừ tiền cho bà Nh. Còn việc bà Nh có ra hội trừ lại tiền hội thì ông không biết. Sau khi bán tôm trừ tiền nợ hội ông còn nợ lại bà Nh số tiền 4.000.000 đồng. Điều này hoàn toàn không có căn cứ bởi lẽ khi giao dịch hội phía bà Nh là chủ hội đều cung cấp cho các hội viên một quyển sổ tay theo dõi việc đóng hội của hội viên cho chủ hội và khi gom hội bà Nh đều ký nhận tiền. Điều này được các hội viên xác nhận như sau: Tại các biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2017, ông Phạm Văn L, ông Trần Văn H và bà Quách Kim Th xác định các ông, bà có tham gia hội do bà Nh làm chủ, dây hội mở ngày 30/11/2012 ông Nh và bà T có tham gia. Theo ông L, ông H và bà Th cùng xác nhận trong quá trình tham gia hội, bà Nh có cấp cho các hội viên quyển sổ tay theo dõi việc đóng hội, khi đóng hội cho bà Nh, thì bà Nh đều ký nhận tiền để thể hiện các hội viên đã đóng hội cho bà (từ BL 61 đến 66). Ông Nh và bà T cho rằng, ông bà đã đóng hội cho bà Nh chỉ còn nợ 18 lần, sau những lần bán tôm ông bà đã trừ vào tiền hội chỉ còn nợ lại bà Nh 4.000.000 đồng là không có căn cứ bởi lẽ ông Nh, bà T có bán tôm trừ vào tiền hội còn nợ nhưng không có đối trừ cụ thể là ông bà còn nợ lại bà Nh số tiền 4.000.000 đồng. Đồng thời ông Nh và bà T cũng không chứng minh được việc đối trừ chỉ còn nợ bà Nh số tiền 4.000.000 đồng. Mặt khác ngày 26/02/2017 ông Nh có làm biên nhận nợ cụ thể là còn nợ lại “thiếu Ph” (bà Nh) số tiền là 31.759.000 đồng, ông Nh xác định chữ 6 Nh là do ông tự ký, ông cho rằng trong lúc ký tên ông không có đọc lại nội dung biên nhận nợ là không có cơ sở, bởi lẽ đây là số tiền lớn trước khi ký xác nhận ông phải có trách nhiệm đọc kỹ trước khi ký, bà Nh và ông Nh, bà T xác định ông Nh và bà T có trả hai lần với số tiền là 650.000 đồng. Đối với việc bán tôm hàng ngày số tiền không lớn mà bà Nh vẫn ghi chép vào sổ cho ông Nh quản lý. H nữa ông không chứng minh được lúc ký tên ông không đọc rõ nội dung. Bà T thừa nhận quá trình từ khi ông Nh và bà tham gia hội cho đến nay thì bà và ông Nh vẫn là vợ chồng; nguồn thu nhập chính trong gia đình từ nuôi tôm. Như vậy, hiện nay ông Nh và bà T vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân nên bà T phải liên đới cùng ông Nh trả nợ cho bà Nh. Việc đóng hội của ông Nh và bà T chủ yếu trừ vào tiền tôm nên không thể hiện số lần cụ thể còn nợ hội. Đến thời điểm hiện tại phần hội đã kết thúc, do chủ hội đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các hội viên với vai trò là người bảo lãnh nên hội viên phải hoàn trả cho chủ hội, do đó chấp nhận yêu cầu của bà Nh buộc ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T phải trả cho bà Nh với tổng số tiền là 31.109.000 đồng (ba mươi một triệu một triệu lẻ chín nghìn đồng).

[3]. Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở buộc ông Nh và bà T trả cho bà Nh tổng số tiền hội còn nợ là 31.109.000 đồng (ba mươi một triệu một triệu lẻ chín nghìn

đồng). Đồng thời, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nh là có căn cứ.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nh và bà T phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nh được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh. Buộc ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền là 31.109.000 đồng (ba mươi một triệu một triệu lẻ chín nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Tạ Văn Nh và bà Huỳnh Bạch T phải chịu là 1.555.450 đồng (một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Nh được nhận lại số tiền tạm ứng là 777.000 đồng (bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006551, ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước